

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KÈU
THÀNH PHỐ C**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 263/2018/HS-ST

Ngày: 10-10- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Tuyết Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**.

- Bà **Phạm Thị Thiện**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 220/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 849/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. ĐỖ THẠCH N, sinh năm 1995 tại A. Nơi cư trú. 618/18 tổ 41, khóm Đ 3, phường M, thành phố L, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh S và bà Hồ Thị Út Đ; có 01 người em; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. MAI VĂN T, sinh năm 1971 tại T. Nơi cư trú. 88B X.T, phường A, quận N, thành phố C; Chỗ ở: số 7 Bùi T.X, phường T, quận N, thành phố C; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị T; có 04 Ah chị em ruột; có vợ Nguyễn Thị M và 02 người con sinh năm 2000, 2008; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại: Ông Nguyễn Văn T (đã chết).*

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Tuấn L (con ông T)

Địa chỉ: 267 đường B12 khu dân cư B, phường A, quận N, thành phố C. (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Dương Phát T – Chủ Cửa hàng cầm đồ HP. Địa chỉ: 107/8G khu vực 3, phường H, quận N, thành phố C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 31-7-2017, sau khi giao nước đá cho khách hàng, Đỗ Thanh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Agle biển số 65P1-2168 trên đường 3/2 hướng từ Nguyễn Văn L về đường T.H.Đ. Khi đến trước nhà số 48, đường 3/2, phường X, quận N thì xe mô tô do N điều khiển đã va chạm với xe đạp chạy cùng chiều do ông Nguyễn Văn T điều khiển làm cả hai xe ngã xuống đường. Ông T bị thương nặng nên N cùng người dân đưa ông T đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa thành phố C; do chấn thương nặng nên gia đình ông T xin xuất viện về nhà, sau đó nạn nhân tử vong vào lúc 03 giờ ngày 01-8-2017.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công An quận N tiến hành trưng cầu giám định pháp y về nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Văn T; tuy nhiên phía gia đình ông T có làm đơn từ chối giải phẫu tử thi nên chỉ tiến hành khám ngoài tử thi. Căn cứ vào hồ sơ bệnh án do Bệnh viện đa khoa thành phố C lập, đã thể hiện: khi đưa vào cấp cứu, ông Nguyễn Văn T bị chuẩn đoán xuất huyết dưới nhện – Chấn thương sọ não nặng. Quá trình điều trị tại Bệnh viện bác sĩ chuẩn đoán: Ngưng tim, ngưng thở ngoại viện – đứt sọ thái dương trái – dập não lan tỏa – tụ máu dưới màng cứng bán cầu não phải do tai nạn giao thông; tiên lượng rất nặng, nguy cơ tử vong cao. Kết quả chuẩn đoán khi ra viện: xuất huyết dưới màng nhện/tụ máu dưới màng cứng (P) – Tụ khí nội sọ/Nứt sọ đỉnh/Đa thương do tai nạn giao thông (bút lục: 53 – 76; 79 – 81).

Kết quả khám nghiệm hiện trường đoạn đường xảy ra tai nạn là đường thẳng, bê tông nhựa phẳng, ở giữa có dải phân cách cứng chia thành hai chiều xe chạy, mỗi bên mặt đường có chiều rộng là 14m. lấy điểm mốc là trụ điện không số nằm trên vỉa hè trước nhà số 50 đường 3/2, chọn hướng đường Nguyễn Văn L về đường T.H.Đ và mép đường bên phải làm chuẩn để mô tả hiện trường vụ tai nạn:

- Xe mô tô 65P1-2168 sau khi xảy ra tai nạn nằm ngã nghiêng về phía bên trái trên mặt đường, đầu xe quay về hướng đường T.H.Đ hơi chệch về dải phân cách cứng, đuôi xe quay về hướng đường Nguyễn Văn L hơi chệch về lề phải. Từ trục bánh trước đo vào mép đường bên phải là 09m20, từ trục bánh sau đo vào mép đường bên phải là 08m50; từ đầu vết cày đo vào mép đường bên phải là 08m, chiều dài vết cày là 07m60.

- Xe đạp sau khi xảy ra tai nạn nằm ngả nghiêng về bên phải trên mặt đường, đầu xe quay về hướng đường T.H.Đ, đuôi xe quay về hướng đường Nguyễn Văn L. Từ trục bánh trước xe đo vào mép đường bên phải là 05m90, từ trục bánh sau xe đo vào mép đường bên phải là 05m30, từ đầu vết cày đo vào mép đường bên phải là 06m30, chiều dài vết cày là 02m90. Khoảng cách đo từ trục bánh trước xe đạp đến trục bánh sau xe ô tô biển số 65P1-2168 là đo từ trục bánh trước xe đạp đo đến điểm mốc là 12m10 (bút lục: 21 – 23).

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thanh N thừa nhận: ngày 31-7-2017 khi bị can điều khiển xe mô tô biển số 65P1-2168 lưu thông trên đường 3/2, hướng về đường M, khi vừa qua cổng A trường Đại học C do chạy với tốc độ khoảng 40km/h và không chú ý quan sát phía trước nên xe do bị can điều khiển đã xảy ra va chạm với xe đạp do ông Nguyễn Văn T chạy cùng chiều phía trước làm ông T ngã xuống đường và tử vong vào ngày 01-8-2017. Bị can khai nhận bản thân không được đi học và không có giấy phép lái xe mô tô, xe mô tô biển số 65P1-2168 là của Mai Văn T giao cho bị can để chở nước đá giao cho khách hàng. Khi vào làm thuê cho T, bị can có nói cho T biết là bản thân không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định nhưng biết điều khiển xe mô tô (bút lục: 92 – 96; 100,101).

Bị can Mai Văn T thừa nhận khi thuê Đỗ Thanh N, T biết rõ N không có giấy phép lái xe mô tô nhưng do chủ quan rằng N chỉ giao nước đá trong phạm vi gần nên bị can đã giao cho N xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50cm³ để làm phương tiện chở nước đá giao cho khách hàng (bút lục: 86 – 91; 98 – 99).

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công A quận N đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả cho anh Nguyễn Tuấn L (con ruột ông T) xe đạp bằng kim loại màu trắng bạc là T sản của ông Nguyễn Văn T. Đối với xe mô tô biển số 65P1-2168, bị can khai mua vào khoảng năm 2014 tại cửa hàng cầm đồ H số 191 đường 3/2, phường H, quận N nhưng chưa sang tên chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: phía gia đình ông Nguyễn Văn T không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý

Cáo trạng số 242/CT-VKSNK ngày 04-9-2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố bị cáo Đỗ Thanh N về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và truy tố Mai Văn T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo theo tội danh và điều khoản như nội dung cáo trạng. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại tòa thấy rằng các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về nhân thân, các bị cáo không có tiền án, tiền sự, các tình tiết này là

căn cứ để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho các bị cáo. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng:

+ Đối với bị cáo Đỗ Thanh N: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đỗ Thanh N mức án từ 03 năm đến 04 năm tù.

+ Đối với bị cáo Mai Văn T: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Mai Văn T mức án 01 năm đến 01 năm sáu tháng tù cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 15.000.000đồng đến 20.000.000đồng.

Về tang vật: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để thông báo tìm chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp phía người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, tại lời nói sau cùng bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Đại diện hợp pháp gia đình bị hại: Ông Nguyễn Tuấn L xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Căn cứ vào sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện xe, hồ sơ bệnh án và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra thể hiện ngày 31-7-2017 bị cáo Đỗ Thanh N điều khiển xe mô tô tham gia giao thông nhưng không có giấy phép lái xe theo quy định, thiếu quan sát dẫn đến hành vi va chạm với xe đạp chạy cùng chiều phía trước do ông Nguyễn Văn T điều khiển làm ông T ngã xuống đường bị chấn thương nặng và tử vong vào ngày 01-8-2017 đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đối với bị cáo Mai Văn T, mặc dù biết rõ bị

cáo Đỗ Thanh N không có giấy phép lái xe hạng A1 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ, thuộc hành vi được nghiêm cấm tại khoản 9, khoản 10 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nhưng bị cáo vẫn giao xe mô tô biển số 65P1-2168 có dung tích xilanh trên 50cm³ cho bị cáo N để chở nước đá đi giao cho khách hàng dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ làm chết người nên đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông” theo điểm a khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo N: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực đưa bị hại đi cấp cứu, tích cực hợp tác với cơ quan công an trong quá trình điều tra, đại diện phía gia đình bị hại cũng có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân chưa có tiền án, tiền sự thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) các tình tiết này là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo.

+ Đối với bị cáo T: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú rõ ràng, bản thân chưa có tiền án, tiền sự; đại diện phía gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) các tình tiết này là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo.

[3] Tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm, xâm hại đến sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Hậu quả vụ án này là một minh chứng cụ thể, mất mát đối với gia đình người bị hại là không gì có thể bù đắp được mà nguyên nhân của nó chính là sự chủ quan không tuân thủ Luật giao thông đường bộ, xem thường pháp luật của các bị cáo, lỗi trong vụ án này thuộc về các bị cáo. Việc lập lại trật tự an toàn giao thông chính là nhằm mục đích bảo vệ tính mạng, sức khỏe cũng như T sản của nhân dân, mọi hành vi xem thường pháp luật đều phải bị xử lý. Để có tác dụng cải tạo giáo dục, đồng thời phòng ngừa chung thiết nghĩ cần xử phạt các bị cáo thỏa đáng, có như vậy mới giúp các bị cáo tâm đắc sửa đổi bản thân, biết sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, việc đề nghị hình phạt đối với các bị cáo trên cơ sở xem xét các căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi các bị cáo thực hiện.

[4] Về tang vật: 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Sym Agel màu đen biển số 65P1-2168, số máy FT415250, số khung 415250 là xe do bị cáo T khai nhận mua ở tiệm cầm đồ, có làm giấy mua bán nhưng đã bị thất lạc, hiện tại xe chưa sang tên vẫn còn đứng tên chủ sở hữu cũ là bà Nguyễn Thị A. Bà A không có ở địa phương nên không làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận N đã ra thông báo số 652/TB.CAQ ngày 08-7-2018 v/v tìm kiếm chủ sở hữu. Sau thời hạn 01 năm kể từ

ngày Công an ra thông báo nếu không tìm được chủ sở hữu tài sản thì tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp gia đình bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên bố bị cáo **Đỗ Thanh N** phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; căn cứ điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo **Mai Văn T** phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông”.

1. Đối với bị cáo Đỗ Thanh N: áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo: Đỗ Thanh N mức án 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Đối với bị cáo Mai Văn T: áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo: Mai Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Mai Văn T cho Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C cùng gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo T số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

Về tang vật: 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Sym Agel màu đen biển số 65P1-2168, số máy FT415250, số khung 415250 do không rõ nguồn gốc. Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày Công an ra thông báo nếu không tìm được chủ sở hữu tài sản thì tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp gia đình bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDQNK;
- VKSNDTPCT;
- Công An QNK;
- Chi cục THADSQNK.
- UBND P. A; Q.NK,TPCT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Tuyết Phương